

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **109/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 09-12-2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Hiền**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Trọng Vũ**

2. Bà **Phạm Thu Trúc**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Phạm Thị Minh Thư** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà **Phạm Linh Duy** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 599/2024/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 620/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024:

Nguyên đơn: Ông **Phan Tấn L**, sinh năm 1982; (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà **Lê Thị Hoàng Q**, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: Số C, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Phan Tấn L trình bày:

Ông L và bà Lê Thị Hoàng Q chung sống với nhau từ năm 2000 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2007. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung. Ông L đã tìm nhiều cách để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả và đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Do không còn tình cảm với bà Q nên ông L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông L được ly hôn với bà Lê Thị Hoàng Q, ông L không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Tấn T, sinh ngày 26/11/2014 và Phan Nguyễn Thúy V, sinh ngày 04/8/2010. Sau ly hôn ông L yêu cầu được nuôi cháu T, đồng ý để bà Q nuôi cháu V, hai bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn trình bày ý kiến và đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 25/10/2024 bà Lê Thị Hoàng Q trình bày:

Bà Q thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng. Do không còn tình cảm với ông L nên bà Q đồng ý ly hôn với ông L, bà Q không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Tấn T, sinh ngày 26/11/2014 và Phan Nguyễn Thúy V, sinh ngày 04/8/2010. Sau ly hôn bà Q yêu cầu được nuôi cháu V, đồng ý để ông L nuôi cháu T, hai bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt phù hợp theo đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L đối với bà Q, không cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn. Về con chung: Ông L được nuôi con chung tên Phan Tấn T, sinh ngày 26/11/2014; bà Q được nuôi con chung tên Phan Nguyễn Thúy V, sinh ngày 04/8/2010, hai bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Phan Tấn L và bị đơn bà Lê Hoàng Q có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông L, bà Q là phù hợp với Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự

2015. Bị đơn bà Lê Thị Hoàng Q có nơi cư trú tại số C, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2007 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của ông L và bà Q, sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Tại biên bản xác minh ngày 19/11/2024, bà Phan Thị Thu P (là cô ruột của ông Phan Tấn L) trình bày: L và Q cưới nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ở xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre, quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, thời gian gần đây thì có bất đồng quan điểm sống thường xuyên cự cãi, không có tiếng nói chung. Gia đình đã có khuyên và hàn gắn nhưng không có kết quả. (BL30). Bản thân ông L vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà Q. Bà Lê Thị Hoàng Q có đơn trình bày ý đồng ý ly hôn với ông L, thống nhất các vấn đề về con chung, tài sản chung, nợ chung với ông L. Điều này cho thấy ông L và bà Q đã từ bỏ mối quan hệ hôn nhân này, không thể hiện mong muốn được đoàn tụ vợ chồng, việc hàn gắn tình cảm cho ông L và bà Q không có kết quả, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của ông L và bà Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L đối với bà Q là phù hợp quy định pháp luật. Ông L và bà Q tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn nên ghi nhận.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Tấn T, sinh ngày 26/11/2014 và Phan Nguyễn Thúy V, sinh ngày 04/8/2010. Xét việc giao con cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt về điều kiện vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường của đứa trẻ. Tại biên bản ghi ý kiến con chung ngày 06/11/2024, cháu T có mong muốn được sống với cha và cháu V có mong muốn được sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Theo văn bản trình bày ý kiến, ông L và bà Q thỏa thuận bà Q sẽ nuôi cháu V, ông L sẽ nuôi cháu T, hai bên đồng ý không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Để đảm bảo việc phát triển bình thường về vật chất, tâm lý và tinh thần cũng như ổn định về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cho con chung nên giao Phan Tấn T, sinh ngày 26/11/2014 cho ông Phan Tấn L tiếp tục nuôi dưỡng và giao Phan Nguyễn Thúy V, sinh ngày 04/8/2010 cho bà Lê

Thị Hoàng Q tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ông L và bà Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung do cả hai tự nguyện không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Hai bên cùng khai không có nên Tòa án xét đến.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phan Tấn L đối với bà Lê Thị Hoàng Q. Ông Phan Tấn L được ly hôn với bà Lê Thị Hoàng Q. Quan hệ hôn nhân giữa ông Phan Tấn L và bà Lê Thị Hoàng Q chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận ông Phan Tấn L, bà Lê Thị Hoàng Q không yêu cầu cấp dưỡng cho vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Ông Phan Tấn L được nuôi cháu Phan Tấn T, sinh ngày 26/11/2014; bà Lê Thị Hoàng Q được nuôi cháu Phan Nguyễn Thúy V, sinh ngày 04/8/2010. Ông Phan Tấn L, bà Lê Thị Hoàng Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung do cả hai tự nguyện không yêu cầu.

Ông Phan Tấn L, bà Lê Thị Hoàng Q được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên hoặc cơ quan tổ chức có thẩm quyền có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung: Hai bên cùng khai không có nên Tòa án xét đến.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phan Tấn L phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0006257 ngày

08/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Phan Tấn L đã nộp xong án phí.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- UBND xã Phú An Hoà;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Minh Hiền